TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HS-PT
Ngày 12 - 7 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Bích Ngọc và bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Đại - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham G phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 38/2023/TLPT-HS ngày 29 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo Ngô Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2023/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị cáo có kháng cáo: **Ngô Văn T**, sinh ngày 06/02/1972 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Chung cư Hà Đô, phường N, quận C, Thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện tại: Phòng 515, tòa CT1A- Khu đô thị Nghĩa Đô, phường C1, quận B, thành phố Hà Nội; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; đoàn thể, đảng phái: Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt từ ngày 18/5/2022; con ông Ngô Văn K và bà Trần Thị D (đều đã chết); có vợ là Hoàng Thị H và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm từ ngày 06/4/2022 đến ngày 14/6/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người tham tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu dùng xe ô tô làm phương tiện đi lại phục vụ công việc kinh doanh nên ngày 24/7/2020, Ngô Văn T khi đó đang là Chủ tịch Hội đồng quản trị

của Công ty Cổ phần đầu tư Osum (viết tắt là Công ty Osum) có trụ sở tại số 15B19, phường Nghĩa Tân, quận C, Thành phố Hà Nội gọi điện thoại cho anh Tạ Anh Tuấn là Giám đốc và anh Bùi Đức Kiêm là Trưởng phòng kinh doanh của Công ty Osum, chi nhánh Vĩnh Phúc. Qua điện thoại, T nhờ anh Tuấn, anh Kiêm đến cửa hàng của ông Nguyễn Trọng T1 ở phường Ngô Quyền, thành phố V để ký hợp đồng thuê xe ô tô tự lái cho T. Tuấn và Kiêm đều đồng ý (trước đó T đã gọi điện thoại nhờ bạn là anh Nguyễn Đức Thủ ở phường Hội Hợp, thành phố V liên hệ với ông T1 đặt vấn đề thuê xe giúp thì ông T1 đã đồng ý). Sau đó, Tuấn điều khiển xe ô tô mang biển kiểm soát (viết tắt là BKS) 88C-126.87 của mình chở anh Kiêm cùng đi đến cửa hàng thuê xe tự lái của ông T1, khi đến nơi anh Kiêm một mình vào gặp ông T1 để ký hợp đồng thuê xe tự lái thay cho T, còn anh Tuấn quay về chi nhánh của công ty ở xã TN, huyện Y để giải quyết công việc. Tại đây, ông T1 đồng ý ký hợp đồng cho thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 6, màu sơn trắng, BKS: 30F-713.25, thời hạn từ ngày 24/7/2020 đến ngày 04/8/2020, giá thuê xe là 1.200.000đồng/ngày. Sau đó, ông T1 Go cho anh Kiêm 01 xe ô tô BKS 30F-713.25; 01 Giấy đăng ký xe bản phô tô mang tên Đàm Tiến Thành; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe cơ giới; 01 đăng kiểm xe ô tô BKS: 30F-713.25, anh Kiêm chỉ đứng tên trong hợp đồng thuê xe, còn mọi Go dịch khác T đã làm việc với ông T1. Sau khi thuê được xe, anh Kiêm đi xe về để trong khuôn viên của chi nhánh Công ty Osum tại Vĩnh Phúc rồi thông báo cho T biết. Ngày 25/7/2020, T đến chi nhánh công ty, mang xe đi về Hà Nội sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến khoảng đầu tháng 8/2020, do công việc kinh doanh gặp khó khăn cần tiền để giải quyết công việc và chi tiêu cá nhân nên T mang xe ô tô BKS: 30F-713.25 đến cầm cố cho ông Nguyễn Xuân G ở số nhà 03, ngõ 100, đường Tây Sơn, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội để vay 470.000.000 đồng và để lại chiếc xe ô tô nói trên làm tin. Khi vay tiền, ông G có hỏi về nguồn gốc xe ô tô thì T nói dối xe này T mượn của bạn, T đang làm thủ tục mua bán, sang tên. Bạn của T cũng biết và đồng ý cho T mang xe đi cầm cố, T đưa cho ông G xem bản gốc Giấy đăng kiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe, do là chỗ quen biết từ trước nên ông G tin tưởng, đồng ý cho T vay tiền và hẹn T 07 ngày sau phải đưa cho ông Giấy đăng ký xe bản gốc, đồng thời T thỏa thuận nếu không có tiền lấy lại xe thì đồng ý cho ông G bán xe ô tô trên. Sau đó, T viết cho ông G giấy bán xe ô tô BKS: 30F-713.25 và để lại xe ô tô BKS: 30F-713.25 kèm theo 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện Go thông cơ giới đường bộ số: KC 9288492 và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số: B19/0106503. Sau đó, để có Giấy đăng ký xe Go cho ông G theo thỏa thuận, T lên mạng xã hội đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 652405, BKS: 30F- 713.25, tên chủ xe Đàm Tiến Thành, địa chỉ: 33/31/46 Xuân Diệu, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội từ một người nam giới không quen biết với giá 1.500.000đồng. Khoảng 3 ngày sau T nhận được 01 Giấy đăng ký xe ô tô giả từ người nam giới không quen biết trên. Sau đó, T đưa Giấy đăng

ký xe ô tô giả cho ông G để ông G tin tưởng. Đến khoảng đầu tháng 5/2021, ông G nghi ngờ đăng ký xe T đưa là giả nên đã gọi điện thoại cho T yêu cầu trả cho ông số tiền 470.000.000đồng đã vay. Do không có tiền để trả nên T tiếp tục nói dối xe ô tô này đã mua lại và đang làm thủ tục sang tên cho T. Ngày 14/5/2021, T và ông G thỏa thuận T viết lại giấy bán xe với nội dung T bán cho ông G xe ô tô BKS: 30F-713.25 với giá 500.000.000đồng, ông G đưa trước cho T số tiền 470.000.000đồng và hẹn khi hoàn tất thủ tục sang tên đăng ký xe thì trả số tiền còn lại là 30.000.000đồng, trong thời hạn 30 ngày T phải Go cho ông G giấy đăng ký của xe ô tô BKS: 30F-713.25 (mang tên Ngô Văn T), nếu không thực hiện đúng thì sẽ phải trả lại cho ông G số tiền đã nhận. Số tiền vay được của ông G, T đã tiêu sài hết.

Sau khi hết thời hạn thuê xe ông T1 gọi điện thoại yêu cầu T trả xe thì T xin G hạn thời hạn thuê xe, ông T1 đồng ý với điều kiện T phải trả tiền thuê xe đều hàng tháng. Từ tháng 02/2021, do làm ăn thua lỗ T không trả được tiền thuê xe. Ông T1 đã nhiều lần liên hệ với T yêu cầu trả xe nhưng T trốn tránh, không có khả năng chuộc lại xe để trả cho ông T1. Ngày 15/4/2021, ông T1 đến cơ quan Công an trình báo sự việc và Go nộp các tài liệu liên quan đến thủ tục cho thuê xe ô tô BKS: 30F713.25.

Ngày 23/6/2021, ông Nguyễn Xuân G tự nguyện Go nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V xe ô tô BKS: 30F-713.25 và các thủ tục liên quan đến Go dịch xe ô tô BKS: 30F713.25.

Trên cơ sở yêu cầu định giá và quyết định trưng cầu giám định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V:

Tại Kết luận số 131/KL-HĐĐG ngày 16/7/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố V, kết luận: xe ô tô nhãn hiệu Mazda6, màu trắng, BKS: 30F-713.25 trị giá 480.000.000đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Tại Kết luận giám định số 1640/KLGĐ ngày 20/7/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Đức Kiêm dưới mục "LÁI XE" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Bùi Đức Kiêm trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra.

Tại Kết luận giám định số 3102/KLGĐ ngày 29/11/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên "Ngô Văn T" dưới mục "BÊN BÁN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Ngô Văn T trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra.

Tại kết luận giám định số 878/KLGĐ ngày 11/4/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ ký đứng tên Thượng tá Dương Đức Hải trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký của ông Dương Đức Hải trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M3 đến M5) không phải do cùng một người ký

ra. Hình dấu hình tròn màu đỏ có nội dung "★CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI ★PHÒNG CẢNH SÁT GO THÔNG" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) được tạo thành bằng phương pháp in phun màu, không phải hình dấu đóng trực tiếp. Hình dấu chức danh, hình dấu tên có nội dung "THƯỢNG TÁ: Dương Đức Hải" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) không phải là hình dấu được đóng trực tiếp tạo thành bằng phương pháp in phun màu. Các lớp in trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với các lớp in tương ứng trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một phương pháp in, in ra.

Ngày 06/4/2022, Ngô Văn T đến cơ quan điều tra đầu thú và thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi đã nêu trên.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2023/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn T phạm các tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ khoản 3 Điều 175; khoản 1 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; 06 (Sáu) tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc Ngô Văn T phải chấp hành hình phạt 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời Gn đã tạm Gm từ ngày 06/4/2022 đến ngày 14/6/2022.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/01/2023 bị cáo Ngô Văn T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiện hình sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2023/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Ngô Văn T làm trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét giải quyết.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung vụ án: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Ngô Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng đã thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 24/07/2020, Ngô Văn T thuê 01 xe ô tô tự lái nhãn hiệu Mazda 6, BKS: 30F-713.25 của ông Nguyễn Trọng T1 ở phường Ngô Quyền, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc để làm phương tiện đi lại với giá 1.200.000đồng/ngày, thời hạn thuê 10 ngày, từ ngày 24/7/2020 đến ngày 04/8/2020. Sau khi thuê được xe ô tô, do công việc kinh doanh không hiệu quả nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt và mang xe ô tô đi cầm cố để lấy tiền chi tiêu. Sau đó, T đem xe ô tô BKS: 30F-713.25 đến cầm cố cho ông Nguyễn Xuân G ở số nhà 03, ngõ 100, đường Tây Sơn, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội để vay số tiền 470.000.000đồng, T nói dối là xe do T mượn của bạn và đang làm thủ tục mua bán, sang tên. T đưa cho ông G xem bản gốc giấy đăng kiểm và giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe. Do là chỗ quen nên ông G tin tưởng, đồng ý cho T vay tiền và hẹn T 07 ngày sau phải đưa cho ông giấy đăng ký xe bản gốc. Để có giấy đăng ký xe Go cho ông G như đã hẹn, T lên mạng xã hội đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 30F- 713.25 từ một người không quen biết với giá 1.500.000đồng. Sau 03 ngày T nhận được Giấy đăng ký xe ô tô giả rồi đưa cho ông G. Hết thời hạn thuê xe, ông T1 nhiều lần yêu cầu T trả xe ô tô nhưng T không có khả năng, điều kiện chuộc xe ô tô để trả lại cho ông T1. Theo kết quả định giá, xe ô tô nhãn hiệu Mazda 6, BKS: 30F-713.25 T chiếm đoạt của ông T1 trị giá 480.000.000đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

[4] Với hành vi phạm tội nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và phạt bị cáo Ngô Văn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015; 06 (Sáu) tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội không oan sai.

[5] Xét đơn kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Ngô Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đầu thú và tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm cho bị cáo. Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo

là phù hợp. Mặc dù, tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm các tài liệu mới là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như: bị cáo có bố đẻ là ông Ngô Văn Khánh có thời Gn tham G dân công hỏa tuyến, có mẹ là bà Trần Thị Dị được được UBND tỉnh Vĩnh Phúc tặng Bằng khen do có thành tích tham G trong cuộc kháng chiến chống Pháp cứu nước; bị cáo được nhận Quyết định khen thưởng năm 2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc, giấy khen của Sở Thương mại và Du lịch tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Sở Công Thương) do đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được Go năm 1999, Giấy khen của Chủ tịch UBND xã TN do có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước 5 năm (Gi đoạn 2015-2020), và các giấy khen của các cấp chính quyền đối với Công ty cổ phần đầu tư OSUM do bị cáo là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo phạm 02 tội, trong đó tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự có hình phạt tù từ 05 đến 12 năm và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự có hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường, bất chấp pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử đã áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo đã phạm đối đối với tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và mức khởi điểm của khung hình phạt đối với tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" là đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và phù hợp với quy định của pháp luật,. Do bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng và phạm vào 02 tội nên không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo không được chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo Ngô Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Văn T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm 10/2023/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc về hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 3 Điều 175; khoản 1 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; 06 (Sáu) tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc Ngô Văn T phải chấp hành hình phạt 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời Gn đã tạm Gm từ ngày 06/4/2022 đến ngày 14/6/2022.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Ngô Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng HS - Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân TP V;
- Tòa án nhân dân TP V;
- Công an TP V;
- Chi cục THA dân sự TP V;
- Bị cáo;
- Lưu HS, Toà HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà